

## **CHƯƠNG 15**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

#### **Điều 15.1 : Mục tiêu**

1. Mục tiêu của Chương này nhằm quy định một quy trình có hiệu quả, thuận tiện và minh bạch cho việc ngăn ngừa và giải quyết các tranh chấp phát sinh từ Hiệp định này.
2. Các Bên sẽ luôn nỗ lực đạt thỏa thuận về việc giải thích và áp dụng Hiệp định này và sẽ cố gắng hết sức thông qua hợp tác và tham vấn để đi đến một giải pháp chung giải quyết mọi vấn đề được đưa ra phù hợp với Chương này.

#### **Điều 15.2 : Phạm vi**

1. Trừ khi được quy định khác trong Hiệp định hoặc do các Bên thỏa thuận khác, Chương này sẽ được áp dụng nhằm ngăn ngừa hoặc giải quyết tất cả các tranh chấp giữa các Bên liên quan tới việc giải thích và áp dụng Hiệp định này khi một Bên thấy rằng:
  - (a) Bên kia áp dụng một biện pháp không phù hợp với nghĩa vụ của mình quy định tại Hiệp định này; hoặc
  - (b) Bên kia không thực hiện các nghĩa vụ của mình quy định tại Hiệp định này.
2. Mặc dù có quy định tại đoạn 1, Chương này sẽ không được áp dụng đối với Chương 5 (Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật), Chương 11 (Cạnh tranh), Chương 13 (Hợp tác kinh tế), Điều 8.19 (Đàm phán lại dựa trên cách tiếp cận chọn – bỏ) và Phụ lục 3-B (Quy định đối với một số hàng hóa đặc biệt)

#### **Điều 15.3 : Lựa chọn Diễn đàn Giải quyết Tranh chấp**

1. Khi một tranh chấp liên quan đến bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ Hiệp định này và Hiệp định WTO hoặc hiệp định khác mà các Bên là thành viên, Bên khởi kiện có thể lựa chọn diễn đàn để giải quyết tranh chấp.
2. Một khi Bên khởi kiện đã yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài hoặc đệ trình một vấn đề lên hội đồng giải quyết tranh chấp theo một hiệp định như đã nêu tại đoạn 1, diễn đàn giải quyết tranh chấp được lựa chọn sẽ loại trừ các diễn đàn khác, trừ khi diễn đàn được lựa chọn không có thủ tục và thẩm quyền để khởi xướng quy trình giải quyết tranh chấp.

#### **Điều 15.4 : Tham vấn**

1. Một Bên có thể yêu cầu tham vấn đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này căn cứ theo đoạn 1 Điều 15.2.

2. Một yêu cầu tham vấn phải được gửi bằng văn bản nêu rõ lý do tham vấn bao gồm việc xác định cụ thể biện pháp vi phạm hoặc các vấn đề khác và cơ sở pháp lý của việc khiếu nại.

3. Trong trường hợp có yêu cầu tham vấn, Bên được yêu cầu tham vấn phải trả lời yêu cầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đó. Các Bên sẽ tiến hành tham vấn một cách thiện chí trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng cho cả hai Bên. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, tham vấn sẽ diễn ra tại lãnh thổ của Bên được yêu cầu tham vấn.

4. Trong trường hợp khẩn cấp, bao gồm các trường hợp có liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng, các Bên sẽ bắt đầu tham vấn trong thời hạn không quá 15 ngày sau ngày nhận được yêu cầu tham vấn.

5. Khi bắt đầu tham vấn, các Bên sẽ cung cấp thông tin cho việc xem xét các biện pháp vi phạm có thể ảnh hưởng như thế nào đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này và bảo mật các thông tin được trao đổi trong quá trình tham vấn.

6. Tham vấn theo Điều này sẽ được bảo mật và không ảnh hưởng tới quyền của các Bên trong các quy trình tố tụng tiếp theo của Hiệp định này hoặc các quy trình tố tụng khác.

#### **Điều 15.5 : Trung gian, hòa giải**

1. Trung gian, hòa giải có thể được yêu cầu ở bất kỳ thời điểm nào bởi bất kỳ Bên nào. Quá trình trung gian, hòa giải có thể bắt đầu từ bất kỳ thời điểm nào theo thỏa thuận của các Bên và kết thúc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của một trong hai Bên.

2. Nếu các Bên đồng ý, quá trình trung gian, hòa giải có thể tiến hành song song với quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài được quy định tại Chương này.

3. Các quá trình trung gian, hòa giải và đặc biệt là quan điểm của các Bên trong các quá trình đó sẽ được bảo mật và không làm ảnh hưởng tới quyền của các Bên trong các quy trình tố tụng tiếp theo của Hiệp định này hoặc các quy trình tố tụng khác.

#### **Điều 15.6 : Thành lập Hội đồng Trọng tài**

1. Bên khởi kiện đã yêu cầu tham vấn theo Điều 15.4 có thể yêu cầu bằng văn bản về việc thành lập hội đồng trọng tài tới Bên bị kiện,

(a) nếu Bên bị kiện không tiến hành tham vấn trong vòng 30 ngày hoặc trong 15 ngày đối với trường hợp khẩn cấp bao gồm cả trường hợp có liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn; hoặc

(b) nếu các Bên không giải quyết được tranh chấp thông qua tham vấn trong vòng 60 ngày hoặc trong 30 ngày đối với trường hợp khẩn cấp bao gồm cả trường hợp liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn.

2. Các yêu cầu về việc thành lập hội đồng trọng tài sẽ được gửi bằng văn bản đến Bên bị kiện. Bên khởi kiện sẽ chỉ rõ trong yêu cầu, những biện pháp tranh chấp cụ thể, và cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý của việc khởi kiện đủ để làm rõ vấn đề.

#### **Điều 15.7 : Điều khoản tham chiếu của hội đồng trọng tài**

Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, điều khoản tham chiếu của hội đồng trọng tài sẽ là:

“Xem xét, dựa trên các điều khoản liên quan của Hiệp định này, vấn đề được đưa ra trong yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 15.6, để đưa ra kết luận cùng với lập luận về sự phù hợp của biện pháp với Hiệp định này và đưa ra báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do cho các kết luận về biện pháp để giải quyết tranh chấp.”

#### **Điều 15.8 : Thành phần của hội đồng trọng tài**

1. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, một hội đồng trọng tài sẽ bao gồm ba trọng tài viên.

2. Mỗi Bên sẽ chỉ định một trọng tài viên mà có thể là công dân nước mình và đề xuất ba ứng viên cho vị trí trọng tài viên thứ ba, người sẽ giữ vị trí chủ tịch của hội đồng trọng tài, trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài. Các Bên sẽ nỗ lực đạt thỏa thuận về việc chỉ định trọng tài viên thứ ba, người sẽ là chủ tịch của hội đồng trọng tài, trong vòng 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài, có xem xét đến các ứng viên được đề cử. Nếu các Bên không thỏa thuận và chỉ định được trọng tài viên thứ ba trong vòng 45 ngày, các Bên sẽ họp trong vòng bảy ngày để chọn ra vị trí chủ tịch bằng phương thức bốc thăm từ các ứng viên được đề xuất bởi hai Bên.

3. Các ứng viên cho vị trí trọng tài viên thứ ba như nêu tại đoạn 2 sẽ không phải là công dân của các Bên, không cư trú thường xuyên ở các Bên, cũng như không làm việc cho bất kỳ Bên nào hay không liên quan đến tranh chấp ở bất kỳ khía cạnh nào.

4. Ngày thành lập hội đồng trọng tài là ngày trọng tài viên thứ ba được chỉ định .

5. Các trọng tài viên sẽ có kiến thức chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong các lĩnh vực luật, thương mại quốc tế hoặc các lĩnh vực khác liên quan đến Hiệp định này hoặc trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các hiệp định thương mại quốc tế. Mỗi trọng tài viên phải độc lập, làm đúng vị trí của mình và không có liên hệ hoặc nhận chỉ đạo từ bất cứ Bên nào hoặc tổ chức nào có liên quan đến tranh chấp, và tuân thủ theo Phụ lục 15-B.

6. Khi một Bên nhận thấy rằng một trọng tài viên không tuân thủ các yêu cầu tại Phụ lục 15-B, các Bên sẽ tham vấn và nếu thống nhất được, sẽ thay thế trọng tài viên phù hợp theo đoạn 7.

7. Nếu một trọng tài viên được chỉ định theo Điều này xin rút lui hoặc không còn khả năng tham gia vụ kiện, hoặc bị thay thế theo đoạn 6, trọng tài viên kế nhiệm sẽ được chỉ định trong vòng 15 ngày phù hợp với phương thức lựa chọn quy định theo các đoạn 2 và 3, với

*những điều chỉnh phù hợp.* Trọng tài viên kế nhiệm sẽ có toàn quyền và thực hiện nhiệm vụ của trọng tài viên mà người đó thay thế. Công việc của hội đồng trọng tài sẽ bị tạm ngừng trong một giai đoạn bắt đầu từ ngày mà trọng tài viên ban đầu rút lui hoặc không còn khả năng tham gia vụ kiện hoặc bị thay thế theo đoạn 6. Công việc của hội đồng trọng tài sẽ tiếp tục vào ngày trọng tài viên kế nhiệm được chỉ định.

#### **Điều 15.9 : Thủ tục tố tụng của hội đồng trọng tài**

1. Hội đồng trọng tài sẽ họp kín. Các Bên sẽ chỉ có mặt ở các phiên họp khi được hội đồng trọng tài mời tham dự.
2. Các Bên sẽ có cơ hội nộp ít nhất một đề trình bằng văn bản và có mặt tại các buổi tường trình, trình bày hoặc phản bác trong quá trình tố tụng trọng tài. Mọi thông tin cung cấp hoặc văn bản đề trình lên hội đồng trọng tài của một Bên, bao gồm bình luận đối với báo cáo sơ bộ và trả lời câu hỏi của hội đồng trọng tài, sẽ được cung cấp cho Bên kia.
3. Một Bên khi khẳng định biện pháp của Bên kia không phù hợp với Hiệp định này sẽ có nghĩa vụ chỉ ra sự không phù hợp đó. Một Bên khi khẳng định một biện pháp áp dụng thuộc trường hợp ngoại lệ của Hiệp định này sẽ có trách nhiệm chỉ ra các ngoại lệ được phép áp dụng.
4. Hội đồng trọng tài sẽ tham vấn với các Bên nếu thấy phù hợp và tạo cơ hội đầy đủ cho các Bên để có thể đi đến một giải pháp thỏa đáng chung cho giải quyết tranh chấp.
5. Hội đồng trọng tài sẽ giải thích Hiệp định này phù hợp với các quy tắc tập quán trong việc diễn giải công pháp quốc tế bao gồm *Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế* có xem xét một cách hợp lý các giải thích được áp dụng bởi Ủy ban hỗn hợp phù hợp với đoạn 4 Điều 17.1 (Ủy ban hỗn hợp) và trên thực tế các Bên sẽ thực hiện Hiệp định này một cách thiện chí và không trốn tránh thực hiện nhiệm vụ.
6. Hội đồng trọng tài sẽ đưa ra quyết định của mình, bao gồm cả các báo cáo, bằng đồng thuận, nhưng cũng có thể ra quyết định của mình, bao gồm cả các báo cáo, dựa trên biểu quyết đa số.
7. Khi có yêu cầu của một Bên hoặc khi thấy cần thiết, hội đồng trọng tài có thể tìm thêm thông tin từ các nguồn liên quan và có thể tham vấn ý kiến của các chuyên gia về một số khía cạnh cụ thể của vấn đề. Hội đồng trọng tài sẽ cung cấp cho các Bên bản sao ý kiến tư vấn của chuyên gia và tạo cơ hội để các Bên bình luận về các ý kiến tư vấn đó.
8. Nội dung thảo luận của hội đồng trọng tài và các tài liệu được đệ trình sẽ được giữ bí mật.
9. Mặc dù có quy định tại đoạn 8, mỗi Bên có thể công bố quan điểm của mình về tranh chấp, nhưng sẽ giữ bí mật đối với thông tin và văn bản đệ trình của Bên kia cho hội đồng trọng tài mà Bên kia cho là văn bản mật. Khi một Bên cung cấp thông tin hoặc văn bản đệ trình được coi là mật, Bên đó sẽ, trong vòng 20 ngày kể từ ngày có yêu cầu của Bên kia, cung cấp bản tóm tắt không bảo mật về thông tin hoặc cung cấp văn bản đệ trình có thể được công bố công khai.

10. Báo cáo của hội đồng trọng tài sẽ được soạn thảo mà không có sự hiện diện của các Bên. Hội đồng trọng tài sẽ dựa vào các điều khoản liên quan của Hiệp định này, các bản đề trình và lập luận của các Bên, và có thể xem xét đến các thông tin được cung cấp cho hội đồng trọng tài để đưa ra báo cáo.

11. Báo cáo của hội đồng trọng tài sẽ bao gồm phần miêu tả tóm tắt các văn bản đề trình và/hoặc lập luận của các Bên, và các kết luận và phán quyết của hội đồng trọng tài. Nếu các Bên nhất trí, hội đồng trọng tài sẽ đưa các khuyến nghị giải quyết tranh chấp vào trong báo cáo. Các kết luận và phán quyết của hội đồng trọng tài, và khuyến nghị, nếu có, để giải quyết tranh chấp không thể làm phát sinh thêm quyền và nghĩa vụ của các Bên được quy định trong Hiệp định này.

12. Địa điểm diễn ra quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài sẽ được quyết định theo thỏa thuận giữa các Bên. Nếu không có sự thống nhất, địa điểm tổ chức sẽ luân phiên tại thủ đô của các Bên, cuộc họp đầu tiên của hội đồng trọng tài sẽ được tổ chức tại thủ đô của Bên bị kiện.

#### **Điều 15.10 : Tạm ngừng hoặc chấm dứt vụ kiện**

1. Khi các Bên đồng ý, hội đồng trọng tài có thể tạm ngừng công việc của mình tại bất kỳ thời điểm trong một khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày có sự nhất trí của hai Bên. Khi có yêu cầu của một Bên, hội đồng trọng tài của vụ kiện có thể tiếp tục làm việc sau khoảng thời gian tạm ngừng. Trong trường hợp đó, khoảng thời gian thực hiện công việc của hội đồng trọng tài sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng khoảng thời gian tạm ngừng đó. Nếu, trong mọi trường hợp, khoảng thời gian tạm ngừng công việc của hội đồng trọng tài hơn 12 tháng, thẩm quyền của hội đồng trọng tài sẽ hết hiệu lực, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác. Sự hết hiệu lực này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền của Bên khởi kiện khi yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài về cùng một vấn đề ở giai đoạn sau.

2. Các Bên có thể đồng ý chấm dứt quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài bằng việc cùng thông báo cho chủ tịch hội đồng trọng tài tại bất kỳ thời điểm nào trước khi báo cáo cuối cùng của hội đồng trọng tài được đưa ra cho các Bên.

3. Trước khi hội đồng trọng tài ra quyết định, ở bất kỳ giai đoạn nào của vụ kiện, hội đồng trọng tài có thể đề nghị các Bên giải quyết tranh chấp bằng biện pháp thân thiện.

#### **Điều 15.11 : Báo cáo sơ bộ**

1. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, trong vòng 90 ngày kể từ ngày thành lập hội đồng trọng tài, hội đồng trọng tài sẽ đưa ra báo cáo sơ bộ đi kèm với phần miêu tả, các kết luận và phán quyết, và khuyến nghị nếu có, về việc:

- (a) liệu biện pháp đưa ra có không phù hợp với các nghĩa vụ của Hiệp định này hay không; hoặc
- (b) liệu các Bên có không thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Hiệp

định này hay không,

cũng như khả năng áp dụng các quy định liên quan và lý do cơ bản để đưa ra phán quyết.

2. Khi hội đồng trọng tài nhận thấy rằng không thể kịp thời hạn để đưa ra báo cáo sơ bộ, hội đồng trọng tài có thể gia hạn thêm thời gian với sự đồng ý của các Bên qua thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do của việc chậm trễ đó và thời gian dự định đưa ra báo cáo sơ bộ. Trong mọi trường hợp, báo cáo sơ bộ phải được đưa ra không muộn hơn 120 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài.

3. Mỗi Bên có thể đưa ra bình luận bằng văn bản đối với báo cáo sơ bộ gửi hội đồng trọng tài trong vòng 15 ngày kể từ đưa ra báo cáo. Sau khi xem xét các bình luận của các Bên về báo cáo sơ bộ, hội đồng trọng tài có thể điều chỉnh lại báo cáo và tiến hành xem xét thêm nếu thấy cần thiết.

#### **Điều 15.12 : Báo cáo cuối cùng**

1. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài sẽ đưa ra báo cáo cuối cùng trong vòng 30 ngày kể từ ngày đưa ra báo cáo sơ bộ.

2. Khi hội đồng trọng tài nhận thấy rằng không kịp thời hạn để đưa ra báo cáo cuối cùng, hội đồng trọng tài có thể gia hạn thêm thời gian với sự đồng ý của các Bên qua thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do của việc chậm trễ đó và thời gian dự định đưa ra báo cáo cuối cùng. Trong mọi trường hợp, báo cáo cuối cùng phải được đưa ra không muộn hơn 150 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài.

3. Trong trường hợp khẩn cấp, bao gồm các trường hợp có liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng, hội đồng trọng tài sẽ nỗ lực đưa ra báo cáo sơ bộ và báo cáo cuối cùng trong một nửa thời hạn tương ứng của đoạn 1 Điều 15.11 và đoạn 1 Điều 15.12

#### **Điều 15.13 : Thực thi báo cáo cuối cùng**

1. Phán quyết trong báo cáo cuối cùng của hội đồng trọng tài sẽ là chung thẩm và ràng buộc các bên, không bị kháng cáo.

2. Nếu trong báo cáo cuối cùng, hội đồng trọng tài xác định rằng Bên bị kiện không tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Hiệp định này, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, Bên bị kiện sẽ xóa bỏ ngay lập tức các biện pháp không phù hợp, hoặc nếu không thực hiện được ngay, sẽ phải xóa bỏ trong một khoảng thời gian hợp lý.

3. Khoảng thời gian hợp lý được nêu tại đoạn 2 sẽ được các Bên cùng xác định. Khi các Bên không thống nhất được về khoảng thời gian hợp lý trong vòng 45 ngày kể từ ngày đưa ra báo cáo cuối cùng của hội đồng trọng tài, một trong các Bên có thể đưa vấn đề này lên hội đồng trọng tài ban đầu để xác định khoảng thời gian hợp lý.

4. Bên bị kiện sẽ thông báo cho Bên khởi kiện các biện pháp đã được thực hiện theo phán quyết của hội đồng trọng tài, trước khi kết thúc khoảng thời gian hợp lý mà các Bên

thống nhất hoặc được xác định bởi hội đồng trọng tài ban đầu theo quy định tại đoạn 3. Khi không có thống nhất giữa các Bên về việc Bên bị kiện đã xóa bỏ các biện pháp không phù hợp như trong báo cáo của hội đồng trọng tài trong khoảng thời gian hợp lý nêu tại đoạn 3, một trong các Bên có thể đưa vấn đề này lên hội đồng trọng tài ban đầu.

**Điều 15.14 : Không thực thi, bồi thường và tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác**

1. Nếu Bên bị kiện không thông báo các biện pháp thực thi trước khi kết thúc khoảng thời gian hợp lý hoặc thông báo cho Bên khởi kiện rằng không thể thực thi phán quyết, hoặc hội đồng trọng tài mà đang xem xét vấn đề theo đoạn 4 Điều 15.13 xác nhận rằng Bên bị kiện chưa xóa bỏ các biện pháp không phù hợp trong khoảng thời gian hợp lý, Bên bị kiện sẽ, nếu được yêu cầu, tiến hành đàm phán với Bên khởi kiện nhằm đạt được thỏa thuận chung về bồi thường.

2. Nếu không có sự thống nhất chung về bồi thường trong vòng 20 ngày sau ngày nhận được yêu cầu được nêu ở đoạn 1, Bên khởi kiện có thể bất kỳ lúc nào gửi thông báo bằng văn bản tới Bên bị kiện ý định tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác của Hiệp định này. Bên khởi kiện có thể bắt đầu việc tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác sau 30 ngày sau khi có thông báo về việc tạm ngừng. Thông báo về việc tạm ngừng sẽ không được đưa ra trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu ở đoạn 1.

3. Vấn đề bồi thường nêu tại đoạn 1 và tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác nêu tại đoạn 2 sẽ chỉ là những biện pháp tạm thời. Việc bồi thường và tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác sẽ không được ưu tiên bằng việc xóa bỏ hoàn toàn các biện pháp không phù hợp trong báo cáo của hội đồng trọng tài. Việc tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác sẽ chỉ được áp dụng đến khi các biện pháp không phù hợp được xóa bỏ hoàn toàn hoặc các Bên đạt được giải pháp thỏa đáng chung.

4. Khi xem xét về việc tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác theo đoạn 2:

- (a) Bên khởi kiện trước tiên sẽ tạm ngừng ưu đãi hoặc nghĩa vụ trong cùng một lĩnh vực hoặc trong các lĩnh vực mà tại báo cáo của hội đồng trọng tài theo Điều 15.12 chỉ ra rằng có sự không tuân thủ với các nghĩa vụ theo Hiệp định này;
- (b) nếu các Bên khởi kiện nhận thấy không khả thi hoặc không hiệu quả khi tạm ngừng ưu đãi và nghĩa vụ ở cùng một lĩnh vực hoặc các lĩnh vực mà được nêu ra tại báo cáo của hội đồng trọng tài, Bên khởi kiện có thể tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác ở các lĩnh vực khác. Thông báo về việc tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác như tại đoạn 2 sẽ chỉ rõ lý do của việc ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác ở lĩnh vực đó; và
- (c) mức độ tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác tại đoạn 2 sẽ tương đương với mức độ vi phạm hoặc mức độ thiệt hại.

5. Nếu Bên bị kiện thấy rằng các yêu cầu về tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác của Bên khởi kiện tại đoạn 2, 3 hoặc 4 là không phù hợp, Bên bị kiện có thể đưa vấn đề này ra một hội đồng trọng tài.

6. Hội đồng trọng tài được thành lập vì mục đích của Điều này hoặc Điều 15.13, khi có thể, sẽ bao gồm các trọng tài viên của hội đồng trọng tài ban đầu. Nếu không thể, các trọng tài viên của hội đồng trọng tài được thành lập vì mục đích của Điều này hoặc Điều 15.13 sẽ được chỉ định theo Điều 15.8. Hội đồng trọng tài được thành lập theo Điều này hoặc Điều 15.13 sẽ đưa ra báo cáo trong vòng 20 ngày về khoảng thời gian hợp lý và trong vòng 45 ngày về các vấn đề khác kể từ ngày vấn đề được đưa lên hội đồng trọng tài. Khi nhận thấy không đưa ra được báo cáo trong khoảng thời gian nói trên, hội đồng trọng tài có thể gia hạn thêm tối đa 30 ngày với sự đồng ý của các Bên. Báo cáo sẽ có tính chất bắt buộc thi hành với các Bên.

#### **Điều 15.15 : Các quy định về thủ tục**

1. Quy trình giải quyết tranh chấp của Chương này sẽ được điều chỉnh bởi Các Quy Định về Thủ Tục của Hội Đồng Trọng Tài thiết lập tại Phụ lục 15-A. Các Bên khi tham vấn với hội đồng trọng tài có thể đồng ý thông qua các quy định bổ sung về thủ tục không trái với các điều khoản của Phụ lục đó.

2. Bất cứ khoảng thời gian hay các quy định nào về thủ tục của hội đồng trọng tài quy định tại Chương này và Phụ lục 15-A đều có thể được điều chỉnh nếu các Bên cùng nhất trí. Các Bên cũng có thể thống nhất vào bất kỳ thời điểm nào việc không áp dụng bất kỳ điều khoản nào của Chương này.

#### **Điều 15.16 : Chi phí**

1. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, mỗi Bên sẽ chịu chi phí của trọng tài viên mà mình chỉ định và các chi phí pháp lý và chi phí riêng của Bên đó.

2. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, chi phí cho chủ tịch hội đồng trọng tài và các chi phí khác có liên quan đến vụ kiện sẽ được chia đều cho các Bên.

#### **Điều 15.17 : Các phụ lục**

Các Phụ lục 15-A và 15-B là một phần không thể tách rời của Chương này.

#### **Điều 15.18 : Định nghĩa**

Trong chương này:

**hội đồng trọng tài** nghĩa là một hội đồng được thành lập theo Điều 15.6;



**trọng tài viên** nghĩa là một thành viên của hội đồng trọng tài được thành lập theo Điều 15.6;

**ứng viên** nghĩa là một cá nhân được xem xét bổ nhiệm là trọng tài viên thứ ba theo Điều 15.8;

**Bên khởi kiện** nghĩa là Bên yêu cầu thành lập hội đồng trọng tài theo Điều 15.6;

**Bên bị kiện** nghĩa là Bên bị cáo buộc vi phạm Hiệp định này như được đề cập tại Điều 15.2; và

**quy trình tố tụng**, trừ khi có quy định khác, theo Chương này nghĩa là một quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài.

## PHỤ LỤC 15-A

### CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CỦA TRỌNG TÀI

#### *Các vấn đề hành chính hậu cần*

1. Trong trường hợp quy trình tố tụng được tổ chức trong lãnh thổ của một Bên, thì Bên đó sẽ chịu trách nhiệm về các công việc hành chính liên quan đến tố tụng trọng tài, cụ thể là việc tổ chức phiên xét xử, trừ khi các Bên có thỏa thuận khác.

#### *Thông báo*

2. Bất kì yêu cầu, thông báo, văn bản đệ trình hoặc tài liệu nào khác do một Bên hoặc hội đồng trọng tài gửi đi phải được gửi bằng hình thức có xác nhận của người nhận, bằng thư bảo đảm, thư, fax, telex, điện báo hoặc bất kì hình thức truyền thông tin nào khác nhằm cung cấp một bản lưu của việc gửi những tài liệu trên.

3. Một Bên sẽ cung cấp một bản sao của các văn bản đệ trình tới Bên kia và tới từng trọng tài viên. Bản sao của tài liệu sẽ đồng thời được cung cấp dưới hình thức điện tử.

4. Mọi thông báo sẽ được thực hiện và được chuyển đến Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Thương mại, Công nghiệp và Năng lượng Hàn Quốc.

5. Các lỗi nhỏ về hình thức của bất kì yêu cầu, thông báo, văn bản đệ trình hoặc tài liệu nào khác liên quan đến thủ tục tố tụng trọng tài có thể được sửa đổi bằng cách gửi một tài liệu mới nêu rõ những sửa đổi.

6. Nếu ngày cuối cùng của hạn gửi một tài liệu<sup>1</sup> rơi vào ngày nghỉ lễ của một Bên, thì tài liệu có thể được gửi vào ngày làm việc tiếp theo.

#### *Bản đệ trình thứ nhất*

7. Bên khởi kiện sẽ gửi văn bản đệ trình thứ nhất không muộn hơn 30 ngày sau ngày thành lập hội đồng trọng tài. Bên bị kiện sẽ gửi văn bản đệ trình phản hồi không muộn hơn 30 ngày sau ngày nhận được bản đệ trình thứ nhất của Bên khởi kiện.

#### *Hoạt động của Hội đồng Trọng tài*

8. Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ chịu trách nhiệm điều hành mọi buổi họp của hội đồng trọng tài. Hội đồng trọng tài có thể giao cho chủ tịch hội đồng trọng tài ra các quyết định về hành chính và quyết định về thủ tục.

---

<sup>1</sup> Để chắc chắn hơn, đối với Phụ lục này, ngày gửi sẽ là ngày mà tài liệu đã đến nơi nhận.

9. Trừ khi có quy định khác trong Chương này, hội đồng trọng tài có thể thực hiện các hoạt động của mình bằng bất kỳ hình thức nào, bao gồm điện thoại, fax hoặc kết nối máy tính.

10. Chỉ các trọng tài viên có thể tham gia vào việc thảo luận của hội đồng trọng tài, tuy nhiên hội đồng trọng tài có thể cho phép những nhân viên hỗ trợ của các trọng tài viên được xuất hiện trong suốt cuộc thảo luận.

11. Dự thảo của bất kì quyết định và phán quyết nào sẽ do hội đồng trọng tài chịu trách nhiệm toàn bộ và sẽ không được ủy quyền cho bất kỳ bên nào khác.

12. Khi có thắc mắc về thủ tục tố tụng phát sinh mà không được quy định trong Chương này, hội đồng trọng tài sau khi tham vấn với các Bên có thể ban hành một thủ tục tố tụng phù hợp mà không trái với quy định của Chương này.

13. Khi hội đồng trọng tài thấy rằng cần phải sửa đổi bất kỳ thời hạn tố tụng nào được quy định trong Chương này, hoặc cần điều chỉnh bất kỳ quy trình tố tụng hay hành chính nào khác, hội đồng trọng tài sẽ thông báo cho các Bên bằng văn bản về lý do của việc sửa đổi hoặc điều chỉnh, và xác định thời hạn cần sửa đổi hoặc điều chỉnh cần thiết.

14. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, lương và chi phí được trả cho trọng tài viên sẽ tương đương với tiêu chuẩn của WTO.

#### *Phiên xét xử*

15. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác, sẽ có ít nhất một phiên xét xử được tổ chức. Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ chọn ngày và thời gian tổ chức phiên xét xử sau khi tham vấn với các Bên và các thành viên khác của hội đồng trọng tài. Chủ tịch hội đồng trọng tài sẽ thông báo bằng văn bản cho các bên về ngày, thời gian và địa điểm của phiên xét xử. Khi các bên quyết định rằng phiên xét xử sẽ là công khai phù hợp với Điều 21 của Phụ lục này, thông tin nêu trên cũng sẽ được công bố công khai bởi Bên chịu trách nhiệm về thủ tục hành chính cho phiên xét xử.

16. Hội đồng trọng tài có thể tổ chức phiên xét xử bổ sung nếu các Bên đồng ý.

17. Các trọng tài viên sẽ phải tham gia trong toàn bộ buổi xét xử.

18. Các đại diện của một Bên, các tư vấn viên của một Bên, các chuyên gia, nhân viên hành chính, phiên dịch viên và biên dịch viên, thư ký phiên xét xử và các nhân viên hỗ trợ của các trọng tài viên có thể tham gia (các) phiên xét xử, dù cho phiên xét xử công khai hay không công khai. Trừ khi hội đồng trọng tài có quyết định khác, chỉ các đại diện và tư vấn viên của một Bên mới có thể được phát ngôn trước hội đồng trọng tài.

19. Không muộn hơn năm ngày trước ngày xét xử, mỗi Bên sẽ gửi tới hội đồng trọng tài một danh sách tên những người sẽ phát ngôn hoặc trình bày phản biện tại phiên xét xử thay mặt cho Bên đó và tên những đại diện, tư vấn viên, phiên dịch viên và biên dịch viên của Bên đó sẽ tham gia phiên xét xử.

20. Những phiên xét xử của hội đồng trọng tài sẽ không được công khai. Các Bên có thể quyết định công khai một phần hay toàn bộ phiên xét xử.

21. Hội đồng trọng tài sẽ thực hiện phiên xét xử theo cách thức như sau, đảm bảo rằng Bên khởi kiện và Bên bị kiện được dành đủ một khoảng thời gian như nhau:

*trình bày lập luận*

(a) trình bày lập luận của Bên khởi kiện; và

(b) trình bày lập luận của Bên bị kiện.

*phản biện lập luận*

(a) trả lời của Bên khởi kiện; và

(b) phản hồi lại của Bên bị kiện.

22. Hội đồng trọng tài có thể hỏi trực tiếp từng Bên hoặc các chuyên gia tại bất kì thời điểm nào của phiên xét xử.

23. Hội đồng trọng tài sẽ chuẩn bị một bản lưu các ý kiến phát biểu của mỗi phiên xét xử và sẽ, sớm nhất có thể sau khi hoàn thành bản lưu, gửi bản sao của bản lưu đó đến các Bên. Các Bên có thể góp ý vào bản lưu và hội đồng trọng tài sẽ quyết định việc có tiếp thu những góp ý đó hay không.

24. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày xét xử, mỗi bên có thể gửi một bản đệ trình bổ sung bằng văn bản để phản hồi bất kì vấn đề gì phát sinh trong phiên xét xử.

*Các câu hỏi bằng văn bản*

25. Hội đồng trọng tài có thể vào bất kì thời điểm nào trong suốt quá trình tố tụng đưa ra các câu hỏi bằng văn bản cho một Bên hoặc cả hai Bên. Hội đồng trọng tài sẽ gửi các câu hỏi bằng văn bản tới Bên được hỏi và sẽ gửi một bản sao các câu hỏi tới Bên còn lại.

26. Bên nhận được câu hỏi của hội đồng trọng tài sẽ gửi bản sao bản trả lời bằng văn bản tới Bên kia và tới hội đồng trọng tài. Mỗi Bên sẽ có cơ hội góp ý kiến bằng văn bản đối với bản trả lời trong vòng bảy ngày kể từ ngày nhận được bản trả lời.

*Tham vấn cá nhân*

27. Không Bên nào được phép có sự tham vấn cá nhân với hội đồng trọng tài liên quan đến những vấn đề đang được xem xét bởi hội đồng trọng tài.

28. Không trọng tài viên nào được phép thảo luận bất kỳ nội dung nào của vụ việc với một Bên hoặc cả hai Bên nếu vắng mặt các trọng tài viên khác.

### *Trì hoãn thời hạn yêu cầu tư vấn kỹ thuật*

29. Hội đồng trọng tài, sau khi tham vấn với các Bên và các chuyên gia, có thể xác định thời gian để các chuyên gia đưa ra ý kiến hoặc tư vấn. Nếu các chuyên gia không thể đưa ra các ý kiến hoặc tư vấn trong thời gian đó, hội đồng trọng tài sẽ tham vấn với các Bên để có thể đưa ra thời gian bổ sung cho các chuyên gia. Trong mọi trường hợp thời gian bổ sung này không vượt quá một nửa thời gian do hội đồng trọng tài xác định như tại câu đầu tiên của đoạn này.

30. Khi có yêu cầu trì hoãn đối với việc đưa ra báo cáo bằng văn bản của các chuyên gia, thì bất kỳ thời hạn nào trong quy trình tố tụng của trọng tài cũng sẽ bị trì hoãn kể từ ngày gửi yêu cầu trì hoãn và sẽ kết thúc vào ngày báo cáo được gửi tới hội đồng trọng tài.

### *Đệ trình Amicus Curiae*

31. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác trong vòng ba ngày kể từ ngày thành lập hội đồng trọng tài, hội đồng trọng tài có thể nhận các văn bản đệ trình tự nguyện từ pháp nhân hoặc thể nhân có liên quan của các Bên, với điều kiện là các bản đệ trình được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày thành lập hội đồng trọng tài, và với điều kiện rằng bản đệ trình phải ngắn gọn và không dài quá 15 trang bao gồm cả các phụ lục, và rằng các đệ trình có liên quan trực tiếp tới các vấn đề pháp lý và vấn đề thực tế mà hội đồng trọng tài đang xem xét.

32. Bản đệ trình được đề cập đến tại đoạn 31 sẽ bao gồm nội dung chi tiết về cá nhân đưa ra bản đệ trình, dù là pháp nhân hay thể nhân, trong đó gồm cả thông tin về các hoạt động của cá nhân đó cũng như nguồn tài chính cung cấp cho hoạt động đó, và chỉ rõ quốc tịch hoặc nơi thành lập của cá nhân đó cũng như lợi ích của cá nhân đó đối với quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài. Các nội dung này sẽ được thể hiện bằng ngôn ngữ làm việc chung phù hợp với đoạn 34.

33. Hội đồng trọng tài sẽ liệt kê mọi ý kiến đệ trình mà hội đồng trọng tài nhận được mà phù hợp với đoạn 31 và 32 trong các phán quyết của mình. Hội đồng trọng tài sẽ không có nghĩa vụ phải nêu ra những lập luận trong các ý kiến đệ trình đó trong phán quyết của mình. Bất kỳ ý kiến đệ trình nào mà hội đồng trọng tài nhận được theo đoạn 31 đến đoạn 33 sẽ được gửi tới các Bên để lấy ý kiến góp ý.

### *Phiên dịch và Biên dịch*

34. Trừ khi các Bên có thỏa thuận khác trong quá trình tham vấn theo Điều 15.4, và không muộn hơn phiên họp được nêu tại đoạn 8, ngôn ngữ làm việc chung cho quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài sẽ là tiếng Anh. Nếu một Bên quyết định sử dụng phiên dịch trong suốt quy trình tố tụng, chi phí và việc sắp xếp phiên dịch sẽ do Bên đó chịu trách nhiệm.

35. Bất kỳ tài liệu nào được đệ trình vì mục đích sử dụng cho quy trình tố tụng theo Chương này sẽ phải bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Nếu bất kỳ tài liệu nào không bằng ngôn ngữ tiếng Anh thì Bên đệ trình sẽ cung cấp bản dịch sang tiếng Anh tương ứng của tài liệu đó.

### *Tính toán thời gian*

36. Mọi thời hạn quy định tại Chương này sẽ được tính theo ngày dương lịch, ngày đầu tiên là ngày tiếp theo hoạt động hoặc tiếp theo sự việc thực tế mà thời hạn đó đề cập tới.

37. Bằng lý do nêu tại đoạn 6, khi một Bên nhận được một tài liệu vào ngày khác với ngày mà tài liệu đó được nhận bởi Bên khác, các khoảng thời hạn áp dụng mà căn cứ vào ngày nhận tài liệu cũng sẽ được tính kể từ ngày cuối cùng nhận được tài liệu đó.

### *Các quy trình tố tụng khác*

38. Phù hợp với các đoạn 3 và 4 của Điều 15.13 và đoạn 5 và 6 của Điều 15.14, Bên gửi yêu cầu tới hội đồng trọng tài sẽ gửi bản đệ trình thứ nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày đệ trình, và Bên kia sẽ gửi bản phản hồi trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản đệ trình thứ nhất.

39. Nếu phù hợp, hội đồng trọng tài sẽ ấn định thời hạn gửi các văn bản đệ trình, bao gồm cả những văn bản đệ trình phản biện, nhằm cung cấp cho mỗi Bên cơ hội hợp lý để đưa ra văn bản đệ trình theo thời hạn của quy trình tố tụng của hội đồng trọng tài được quy định tại các Điều 15.13 và 15.14 và Phụ lục này.

40. Trừ khi có quy định khác, Phụ lục này cũng được áp dụng đối với các quy trình thủ tục tố tụng được thiết lập theo các Điều 15.13 và 15.14.

### *Định nghĩa*

41. Đối với Chương này:

**tư vấn viên** nghĩa là người của một Bên làm nhiệm vụ tư vấn hoặc hỗ trợ Bên đó đối với các thủ tục tố tụng của hội đồng trọng tài;

**nhân viên hỗ trợ** nghĩa là người mà theo chỉ định của một trọng tài thực hiện các nghiên cứu hoặc cung cấp những hỗ trợ cần thiết cho trọng tài đó; và

**đại diện của một Bên** nghĩa là bất kì người nào được chỉ định bởi một Bên phù hợp với luật và quy định trong nước của Bên đó.

## PHỤ LỤC 15-B

### QUY TẮC ỨNG XỬ CỦA TRỌNG TÀI VIÊN

#### *Trách nhiệm đối với quá trình giải quyết tranh chấp*

1. Mọi ứng viên và trọng tài viên sẽ tránh thái độ tiêu cực và thể hiện thái độ tiêu cực, sẽ độc lập và công bằng, sẽ tránh những mâu thuẫn lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp và sẽ có thái độ hành xử chuẩn mực cao để đảm bảo sự trung thực và công bằng cho thủ tục giải quyết tranh chấp. Các trọng tài viên cũ phải tuân thủ các nghĩa vụ được đưa ra tại các đoạn từ 14 đến 17.

#### *Nghĩa vụ công bố thông tin*

2. Trước khi được chỉ định là trọng tài theo Điều 15.8, một ứng viên sẽ công bố mọi lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề mà có thể ảnh hưởng đến sự độc lập và công bằng của ứng viên đó hoặc có thể tạo ra những định kiến hoặc thiên vị trong quy trình tố tụng. Để đạt được điều này, một ứng viên sẽ nỗ lực hợp lý để nhận thức về những lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề đó.

3. Một trọng tài viên một khi đã được chỉ định sẽ nỗ lực hợp lý để nhận thức về bất kỳ lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề được đề cập tới tại đoạn 2 và sẽ công bố công khai những lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề đó. Nghĩa vụ công bố thông tin là nghĩa vụ có tính chất liên tục theo đó yêu cầu một trọng tài viên công bố bất kỳ lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề mà có thể phát sinh trong bất kỳ giai đoạn nào của quy trình tố tụng. Trọng tài viên sẽ công bố lợi ích, mối quan hệ hoặc vấn đề đó thông qua việc gửi thông tin đến Ủy ban Hỗn hợp để các Bên xem xét.

#### *Nghĩa vụ*

4. Một trọng tài viên một khi đã được chỉ định sẽ thực hiện công việc của một trọng tài viên một cách toàn diện và nhanh chóng trong suốt quy trình tố tụng.

5. Một trọng tài viên sẽ thực hiện mọi nghĩa vụ một cách công bằng và đúng đắn.

6. Một trọng tài viên sẽ xem xét chỉ những vấn đề phát sinh trong quy trình tố tụng và cần thiết để ra quyết định, và sẽ không giao nhiệm vụ quyết định vấn đề cho bất kỳ cá nhân nào.

7. Một trọng tài viên sẽ tạo mọi điều kiện hợp lý để đảm bảo rằng nhân viên và nhân viên hỗ trợ của trọng tài viên nhận thức được và tuân thủ với các đoạn 1, 2, 3, 15, 16 và 17.

8. Một trọng tài viên sẽ không thực hiện những tham vấn cá nhân về quy trình tố tụng phù hợp với các đoạn 27 và 28 của Phụ lục 15-A.

#### *Sự độc lập và công bằng của các thành viên hội đồng trọng tài*

9. Một trọng tài viên sẽ độc lập và công bằng. Một trọng tài viên sẽ cư xử đúng đắn, tránh thể hiện sự không phù hợp hoặc thiên vị và sẽ không bị ảnh hưởng bởi lợi ích cá nhân, áp lực bên ngoài, những cân nhắc chính trị, lợi ích công cộng, sự trung thành đối với một Bên hoặc sự lo ngại bị chỉ trích.

10. Một trọng tài viên sẽ không, dù trực tiếp hay gián tiếp, từ chối bất kỳ nghĩa vụ nào hoặc chấp nhận bất kỳ lợi ích nào mà sẽ ảnh hưởng hoặc dường như sẽ ảnh hưởng, dù cho bằng cách nào, đến việc thực hiện một cách đầy đủ các trách nhiệm của trọng tài viên.

11. Một trọng tài viên sẽ không sử dụng vị trí của mình trong hội đồng trọng tài để ủng hộ cho bất kỳ lợi ích cá nhân hay tư nhân nào. Một trọng tài viên sẽ tránh những hành vi có thể tạo ra ấn tượng về việc trọng tài viên bị ảnh hưởng bởi những người khác

12. Một trọng tài viên sẽ không cho phép các mối quan hệ hoặc trách nhiệm tài chính, kinh doanh, gia đình hay xã hội hiện tại hoặc trong quá khứ làm ảnh hưởng đến hoạt động xét xử hoặc phán xét của trọng tài viên.

13. Một trọng tài viên sẽ tránh tham gia bất kỳ mối quan hệ nào hoặc đạt được bất kỳ lợi ích tài chính nào, mà có thể ảnh hưởng đến sự công bằng của một trọng tài viên hoặc có thể tạo ra những định kiến hoặc thiên vị không phù hợp.

#### *Nghĩa vụ của trọng tài viên tiền nhiệm*

14. Mọi trọng tài viên cũ phải tránh những hành vi có thể tạo ra ấn tượng rằng họ sai lầm trong việc thực thi nhiệm vụ hoặc trong việc tách biệt lợi ích khỏi những quyết định hoặc phán quyết của hội đồng trọng tài.

#### *Bảo mật thông tin*

15. Một trọng tài viên hoặc trọng tài viên tiền nhiệm sẽ không, vào bất kỳ thời điểm nào, tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin không công khai nào liên quan đến thủ tục tố tụng, hoặc đạt được trong thủ tục tố tụng, trừ trường hợp vì mục đích của quy trình tố tụng đó và trong mọi trường hợp sẽ không tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào nói trên để đạt được lợi ích cá nhân hoặc lợi ích cho người khác, hoặc để ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích của người khác.

16. Một trọng tài viên sẽ không công bố phán quyết của hội đồng trọng tài hay từng phần của phán quyết đó trước khi phán quyết đó được công bố công khai.

17. Một trọng tài viên hoặc trọng tài viên tiền nhiệm sẽ không, vào bất kỳ thời điểm nào, tiết lộ nội dung thảo luận của hội đồng trọng tài hoặc quan điểm của bất kỳ trọng tài viên nào.

#### *Định nghĩa*

18. Đối với Chương này:

**nhân viên**, của một trọng tài, nghĩa là người thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo và điều hành của trọng tài, ngoài các nhân viên hỗ trợ.